

**CHÍNH PHỦ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số:...../2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm ...

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 242/2025/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 và Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13; Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;*

*Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14;*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14; Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ (sửa đổi) và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật*

*Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công số...;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế....*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản, Điều của Nghị định 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài**

**1. Sửa đổi khoản 7, 11 Điều 3 như sau:**

*“7. Cơ quan chủ quản chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi (sau đây gọi là “Cơ quan chủ quản”) là cơ quan trung ương của tổ chức chính trị và cơ quan trực thuộc; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; cơ quan của Quốc hội; Văn phòng Quốc hội; Kiểm toán Nhà nước; Văn phòng Chủ tịch nước; bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”); cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cơ quan trung ương của các Hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương; các cơ quan quản lý nhà nước ra quyết định thành lập các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công bằng văn bản”*

*“11. Điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi là điều ước quốc tế theo quy định tại Luật Điều ước quốc tế và Luật Quản lý nợ công liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, bao gồm:”*

**2. Bổ sung một khoản sau khoản 10 Điều 3 như sau:**

*“Đề xuất khoản vay là văn bản do các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công, doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty con của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nắm giữ 100% vốn điều lệ gửi Bộ Tài chính để báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài cho chương trình, dự án*

*trước khi thực hiện các thủ tục phê duyệt đầu tư chương trình, dự án theo quy định của pháp luật có liên quan.”*

### **3. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 như sau:**

*“2. Vốn vay ODA được ưu tiên sử dụng cho các chương trình, dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, phát triển xanh, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hạ tầng kinh tế thiết yếu không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.”*

### **4. Sửa đổi khoản 2, 3, 5 Điều 7 như sau:**

*“2. Đối với chương trình, dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương: Vay lại một phần hoặc toàn bộ vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; Cấp phát toàn bộ vốn vay ODA, vay ưu đãi đối với địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 40% trở lên.*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được cấp phát toàn bộ trong giai đoạn 05 năm, trùng với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và trước ngày 01 tháng 01 năm đầu tiên của kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm.”*

*3. Đối với chương trình, dự án đầu tư do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện: Cho vay lại một phần vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài theo quy định của pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; trừ trường hợp theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 36 Luật Quản lý nợ công”.*

*4. Đối với chương trình, dự án đầu tư do doanh nghiệp nhà nước thực hiện: Cho vay lại toàn bộ theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, trừ trường hợp theo quy định của Luật Đầu tư công”.*

### **5. Bổ sung điểm 1a và 1b trước điểm a khoản 1 Điều 8 như sau:**

*“1a) Lập, phê duyệt đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài*

*1b) Thông báo chính thức cho nhà tài trợ nước ngoài về đề xuất khoản vay cho chương trình, dự án được phê duyệt.”*

### **6. Bổ sung Điều 12a trước Điều 12 như sau:**

*“Điều 12a. Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài*

#### *1. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt Đề xuất khoản vay:*

*a) Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức*

khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư công gửi văn bản cho Bộ Tài chính đề xuất sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi cho chương trình, dự án gồm các nội dung: Trị giá vay nước ngoài, điều kiện vay dự kiến; Bên cho vay dự kiến; mục đích sử dụng vốn, dự kiến thời gian giải ngân; Đề xuất cơ chế tài chính trong nước, phương án cân đối nguồn trả nợ.

b) Bộ Tài chính đánh giá điều kiện vay, chỉ tiêu an toàn nợ công, sự phù hợp với định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài từng thời kỳ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

c) Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi cho chương trình, dự án đầu tư công với các nội dung chính như sau: tên chương trình, dự án; nhà tài trợ; dự kiến tổng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; cơ chế tài chính trong nước (cấp phát toàn bộ, vay lại toàn bộ, cấp phát một phần và vay lại một phần với tỷ lệ vay lại cụ thể).

d) Bộ Tài chính thông báo chính thức cho nhà tài trợ về quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất khoản vay cho chương trình, dự án.

## 2. Hồ sơ và thời gian xem xét Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi:

a) Hồ sơ: Văn bản của cơ quan cơ quan đề xuất khoản vay đề nghị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi; Thư quan tâm của nhà tài trợ; văn bản của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ thực hiện dự án đầu tư công đối với dự án của doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp thuộc doanh nghiệp nhà nước; các tài liệu liên quan khác (nếu có).

b) Thời gian xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ về Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi kể từ ngày Bộ Tài chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 10 ngày.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 05 ngày Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản đề nghị cơ quan đăng ký Đề xuất khoản vay hoàn thiện nội dung Đề xuất khoản vay.

## 3. Điều chỉnh Đề xuất khoản vay

a) Trường hợp tăng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi: Cơ quan đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi gửi văn bản và báo cáo về lý do điều chỉnh để Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi thực hiện các thủ tục phê duyệt đầu tư hoặc điều chỉnh phê duyệt đầu tư theo quy định.

b) Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình đầu tư công; dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: Không phải thực hiện điều chỉnh Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi theo quy định tại khoản này;

*c) Đối với chương trình đầu tư công đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất khoản vay, các dự án thành phần không phải thực hiện lập, trình, phê duyệt đề xuất khoản vay cho dự án thành phần"*

**7. Bổ sung điểm 1a sau điểm a khoản 1 Điều 13 như sau:**

*"1a) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất khoản vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho chương trình, dự án."*

**8. Sửa đổi khoản 4 Điều 17 như sau:**

*"4. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án dẫn tới thay đổi các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư công và các nội dung quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 16 Nghị định này: Cơ quan chủ quản thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự, thủ tục tại Điều 13 Nghị định này."*

**9. Bổ sung khoản 1a trước khoản 1 Điều 22 như sau:**

*"1a. Chương trình, dự án đã được phê duyệt Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi nhưng chưa phê duyệt chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký Đề xuất khoản vay gửi văn bản cho Bộ Tài chính để thông báo cho nhà tài trợ về việc dừng chủ trương sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho chương trình, dự án."*

**10. Sửa đổi khoản 1, 2, 3 Điều 30 như sau:**

*"Điều 30. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đàm phán, ký, phê duyệt, phê chuẩn, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế về vốn ODA, vay ưu đãi:*

***Điều 30a: Trình tự, thủ tục, hồ sơ đàm phán, ký, phê chuẩn, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế về vốn vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Nhà nước:***

*1. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đàm phán điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Nhà nước:*

*a) Căn cứ quy định tại Điều 28 của Nghị định này và đề nghị của cơ quan chủ quản, doanh nghiệp nhà nước, Bộ Tài chính đề nghị bên cho vay nước ngoài gửi dự thảo điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi.*

*b) Bộ Tài chính lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan về đề xuất đàm phán điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời Bộ Tài chính bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.*

c) Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các cơ quan, Bộ Tài chính đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cho vay lại (đối với dự án vay lại) và đề trình Chủ tịch nước quyết định đàm phán điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi.

d) Căn cứ phê duyệt về cho vay lại của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án vay lại) và phê duyệt đàm phán của Chủ tịch nước, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đàm phán với bên cho vay nước ngoài về dự thảo điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi.

đ) Hồ sơ trình về việc đàm phán điều ước quốc tế bao gồm: Tờ trình đề xuất đàm phán điều ước quốc tế; dự thảo điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi; ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan; quyết định đầu tư dự án.

e) Nội dung của Tờ trình đề xuất đàm phán bao gồm: Thông tin chung về chương trình, dự án; kết quả thẩm định, đánh giá cho vay lại (đối với dự án vay lại); sự cần thiết, mục đích đàm phán điều ước quốc tế; nội dung chính của điều ước quốc tế; đánh giá sơ bộ tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của điều ước quốc tế, kết quả rà soát sơ bộ quy định của pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trong cùng lĩnh vực, so sánh với nội dung chính của điều ước quốc tế dự kiến đàm phán; kiến nghị về việc phê duyệt kết quả thẩm định, đánh giá cho vay lại (đối với dự án vay lại), chủ trương đàm phán và ủy quyền đàm phán.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ ký điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Nhà nước

a) Căn cứ kết quả đàm phán, Bộ Tài chính lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đối với báo cáo kết quả đàm phán và đề xuất ký điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

b) Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước phê duyệt ký điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi.

c) Trên cơ sở phê duyệt ký của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người được Chủ tịch nước ủy quyền ký điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi với bên cho vay nước ngoài.

d) Hồ sơ trình về việc ký điều ước quốc tế bao gồm: Tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế; dự thảo điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi và biên bản đàm phán (nếu có); ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan.

*đ) Nội dung của Tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế bao gồm: Sự cần thiết, yêu cầu, mục đích đề xuất ký điều ước quốc tế; tên gọi, hình thức, danh nghĩa ký, người đại diện ký, ngôn ngữ, hiệu lực, hình thức hiệu lực, thời hạn hiệu lực; kết quả đàm phán và nội dung chính của điều ước quốc tế; đánh giá tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội; đánh giá sự tương thích của điều ước quốc tế đề xuất ký với điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đánh giá sự phù hợp giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam; giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan; những vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan đề xuất với cơ quan, tổ chức có liên quan, giữa bên Việt Nam với bên ký kết nước ngoài và kiến nghị biện pháp xử lý.*

*3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ phê chuẩn điều ước quốc tế về vốn ODA, vay ưu đãi nhân danh Nhà nước*

***Điều 30b. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đàm phán, ký, phê duyệt điều ước quốc tế cụ thể về vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Chính phủ***

*1. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đàm phán điều ước quốc tế cụ thể về vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Chính phủ*

*a) Căn cứ quy định tại Điều 28 của Nghị định này, Bộ Tài chính đề nghị bên cho vay nước ngoài gửi dự thảo điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi.*

*b) Bộ Tài chính lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan về đề xuất đàm phán điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời Bộ Tài chính bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.*

*c) Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các cơ quan, Bộ Tài chính đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho vay lại và đàm phán điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi.*

*d) Hồ sơ trình về việc đàm phán điều ước quốc tế bao gồm: Tờ trình đề xuất đàm phán điều ước quốc tế; dự thảo điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi; ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan; quyết định đầu tư dự án và hồ sơ liên quan (nếu có).*

*đ) Nội dung của Tờ trình chủ trương đàm phán bao gồm: Thông tin chung về chương trình, dự án; kết quả thẩm định, đánh giá cho vay lại; sự cần thiết, mục đích đàm phán điều ước quốc tế; nội dung chính của điều ước quốc tế; kết quả rà soát sơ bộ quy định của pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trong cùng lĩnh vực, so sánh với nội dung chính của điều ước quốc tế dự kiến đàm phán; kiến nghị về việc phê duyệt kết*

quả thẩm định cho vay lại (trong trường hợp cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi), chủ trương đàm phán và ủy quyền đàm phán.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ ký điều ước quốc tế cụ thể về vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Chính phủ

a) Căn cứ kết quả đàm phán, Bộ Tài chính lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đối với báo cáo kết quả đàm phán và đề xuất ký điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

b) Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ phê duyệt ký điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi.

c) Trên cơ sở phê duyệt ký của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người được Chính phủ ủy quyền ký điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi với bên cho vay nước ngoài.

d) Hồ sơ trình về việc ký điều ước quốc tế bao gồm: Tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế; dự thảo điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi và biên bản đàm phán (nếu có); ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan.

đ) Nội dung của Tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế bao gồm: Sự cần thiết, yêu cầu, mục đích đề xuất ký điều ước quốc tế; tên gọi, hình thức, danh nghĩa ký, người đại diện ký, ngôn ngữ, hiệu lực, hình thức hiệu lực, thời hạn hiệu lực; kết quả đàm phán và nội dung chính của điều ước quốc tế; đánh giá tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội; đánh giá sự tương thích của điều ước quốc tế đề xuất ký với điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đánh giá sự phù hợp giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam; giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan; những vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan đề xuất với cơ quan, tổ chức có liên quan, giữa bên Việt Nam với bên ký kết nước ngoài và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ phê duyệt điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA, vay ưu đãi nhân danh Chính phủ

a) Trường hợp điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ có quy định phải phê duyệt hoặc hoàn thành thủ tục pháp lý của mỗi nước để có hiệu lực hoặc có quy định trái với quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi điều ước quốc tế được ký kết, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ phê duyệt điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi.

b) Hồ sơ trình trình phê duyệt bao gồm: Tờ trình phê duyệt điều ước quốc tế; điều ước quốc tế đã ký.

c) Nội dung của Tờ trình đề xuất phê duyệt điều ước quốc tế bao gồm: Nội dung của điều ước quốc tế đã ký; đánh giá tác động của điều ước quốc tế đối với Việt Nam; kiến nghị về việc phê chuẩn, thời điểm phê chuẩn, kiến nghị về việc áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế.

4. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế cụ thể về vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Chính phủ

a) Cơ quan chủ quản, doanh nghiệp nhà nước gửi Bộ Tài chính văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi.

b) Bộ Tài chính lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan về đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

c) Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ phê duyệt sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi.

d) Trường hợp sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi do thay đổi các nội dung của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Bộ Tài chính thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi theo quy định tại điểm a, c, d khoản này.

đ) Hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế bao gồm: Tờ trình đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế; ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan (trường hợp lấy ý kiến); dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); ý kiến của nhà tài trợ hoặc bên cho vay nước ngoài.

e) Nội dung của Tờ trình đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế bao gồm: mục đích, yêu cầu, cơ sở pháp lý và hậu quả pháp lý của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế; đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế; giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan; kiến nghị biện pháp xử lý.

**Điều 30c. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Chính phủ**

1. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đàm phán điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Chính phủ

a) Căn cứ quy định tại Điều 28 của Nghị định này, Bộ Tài chính đề nghị nhà tài trợ hoặc bên cho vay nước ngoài gửi dự thảo điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi.

b) Bộ Tài chính lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan về đề xuất đàm phán điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vay ưu đãi. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời Bộ Tài chính bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

c) Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các cơ quan, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định đàm phán điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi.

d) Căn cứ quyết định đàm phán của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đàm phán với nhà tài trợ hoặc bên cho vay nước ngoài về dự thảo điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi.

đ) Hồ sơ trình về việc đàm phán điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Chính phủ gồm: Tờ trình đề xuất đàm phán điều ước quốc tế khung; dự thảo điều ước quốc tế khung; ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan; quyết định chủ trương đầu tư của chương trình, dự án nếu gắn với chương trình, dự án cụ thể.

e) Nội dung của Tờ trình chủ trương đàm phán bao gồm: sự cần thiết, yêu cầu, mục đích đàm phán điều ước quốc tế khung; nội dung chính của điều ước quốc tế khung; thông tin chung về chương trình, dự án nếu gắn với chương trình, dự án cụ thể; đánh giá sơ bộ tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của điều ước quốc tế; kết quả rà soát sơ bộ quy định của pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trong cùng lĩnh vực, so sánh với nội dung chính của điều ước quốc tế khung dự kiến đàm phán; kiến nghị về việc đàm phán và ủy quyền đàm phán.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ ký điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Chính phủ

a) Căn cứ kết quả đàm phán, Bộ Tài chính lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đối với báo cáo kết quả đàm phán và đề xuất ký điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời Bộ Tài chính bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

b) Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ phê duyệt ký điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi.

c) Căn cứ quyết định ký của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người được Chính phủ ủy quyền ký điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi với đại diện của nhà tài trợ hoặc bên cho vay nước ngoài.

d) Hồ sơ trình về việc ký điều ước quốc tế khung bao gồm: Tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế khung; dự thảo điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và biên bản đàm phán (nếu có); ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan.

đ) Nội dung của Tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế khung bao gồm: Sự cần thiết, yêu cầu, mục đích đề xuất ký điều ước quốc tế khung; tên gọi, hình thức, danh nghĩa ký, người đại diện ký, ngôn ngữ, hiệu lực, hình thức hiệu lực, thời hạn hiệu lực; kết quả đàm phán và nội dung chính của điều ước quốc tế khung; đánh giá tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của điều ước quốc tế; đánh giá sự tương thích của điều ước quốc tế đề xuất ký với điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đánh giá sự phù hợp giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam; giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan; những vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa cơ quan đề xuất với cơ quan, tổ chức có liên quan, giữa bên Việt Nam với bên ký kết nước ngoài và kiến nghị biện pháp xử lý; đề xuất về việc ký và ủy quyền ký.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ phê chuẩn, phê duyệt điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Chính phủ thực hiện theo quy định của Luật Điều ước quốc tế.

4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Chính phủ

a) Trường hợp là điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi gắn với chương trình, dự án cụ thể, cơ quan chủ quản, doanh nghiệp nhà nước gửi Bộ Tài chính văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi.

b) Bộ Tài chính lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan về đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

c) Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi.

d) Trường hợp sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi gắn với chương trình, dự án cụ thể do thay đổi các nội dung của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án đã được

*cấp có thẩm quyền phê duyệt: Bộ Tài chính thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại điểm a, c, d khoản này.*

*đ) Hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung bao gồm: Tờ trình đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung; ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan (trường hợp lấy ý kiến); quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh, quyết định đầu tư điều chỉnh chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp gắn với chương trình, dự án cụ thể); dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); ý kiến của nhà tài trợ hoặc bên cho vay nước ngoài.*

*e) Nội dung của Tờ trình đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung bao gồm: mục đích, yêu cầu, cơ sở pháp lý và hậu quả pháp lý của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế; đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế; giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan (trường hợp lấy ý kiến); kiến nghị biện pháp xử lý.*

#### ***Điều 30d. Trình tự, thủ tục, hồ sơ áp dụng các trường hợp đặc thù***

*a) Các trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục đặc thù: thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công.*

*b) Trường hợp đã có chỉ đạo bằng văn bản của Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán điều ước quốc tế, Bộ Tài chính không phải lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đối với hồ sơ trình chủ trương đàm phán. Hồ sơ trình về việc đàm phán thực hiện theo điểm.....khoản .....Điều.....*

*c) Trường hợp điều ước quốc tế theo mẫu được quy định tại điều ước quốc tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với cùng một bên ký kết nước ngoài hoặc theo mẫu được Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ; Chủ tịch nước quyết định đối với điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước, Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo Chủ tịch nước quyết định đồng thời đàm phán và ký đối với điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Nhà nước; trình Chính phủ quyết định đồng thời đàm phán và ký đối với điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Chính phủ. Hồ sơ đề xuất đồng thời đàm phán và ký gồm: các tài liệu quy định tại điểm.... khoản ....Điều.....; điều ước quốc tế mẫu.*

*d) Trường hợp điều ước quốc tế có thể được áp dụng ngay, không đòi hỏi sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo*

*Chủ tịch nước quyết định đồng thời ký và phê chuẩn đối với điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Nhà nước; trình Chính phủ quyết định đồng thời ký và phê duyệt đối với điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Chính phủ. Hồ sơ đề xuất đồng thời ký và phê chuẩn hoặc phê duyệt thực hiện theo điểm b, c, khoản 5 Điều này.*

*d) Trường hợp điều ước quốc tế có thể được áp dụng ngay, không đòi hỏi sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo Chủ tịch nước quyết định đồng thời ký và phê chuẩn đối với điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Nhà nước; trình Chính phủ quyết định đồng thời ký và phê duyệt đối với điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi nhân danh Chính phủ. Hồ sơ đề xuất đồng thời ký và phê chuẩn hoặc phê duyệt thực hiện theo điểm b, c, khoản 5 Điều này.*

*đ) Trường hợp chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện ký kết thành nhiều điều ước quốc tế theo tiến độ phân kỳ của chương trình, dự án:*

*Đối với điều ước quốc tế ký cho khoản vay đầu tiên: Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;*

*Đối với điều ước quốc tế ký cho khoản vay tiếp theo: Căn cứ đề xuất của cơ quan chủ quản, doanh nghiệp nhà nước về nhu cầu khoản vay tiếp theo; hạn mức vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định đầu tư; tiến độ dự án và kết quả giải ngân các điều ước quốc tế đã ký, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ quản, doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan liên quan xác định giá trị khoản vay tiếp theo, trao đổi, thống nhất với nhà tài trợ và thực hiện trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.*

*e) Trường hợp điều ước quốc tế có yêu cầu ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp: Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật hiện hành về cấp ý kiến pháp lý, Bộ Tư pháp làm thủ tục cấp ý kiến pháp lý theo quy định của pháp luật.*

### **11. Sửa đổi tên Điều 33 như sau:**

*“Điều 33. Trình tự, thủ tục ký, sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi”*

### **12. Sửa đổi tên khoản 1 Điều 33 như sau:**

*“1. Trình tự, thủ tục ký thỏa thuận khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi:”*

### **13. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 33 như sau:**

*“c) Bộ Tài chính lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đối với dự thảo thỏa thuận khung về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời Bộ Tài chính bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và tài liệu liên quan”*

**14. Sửa đổi tên khoản 3 Điều 33 như sau:**

*“3. Trình tự, thủ tục ký thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi:”*

**15. Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 33 như sau:**

*“c) Bộ Tài chính lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đối với dự thảo thỏa thuận vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi. Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời Bộ Tài chính bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và tài liệu liên quan.”*

**16. Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 33 như sau:**

*“đ) Căn cứ kết quả thẩm định, đánh giá cho vay lại (đối với dự án vay lại) và kết quả đàm phán, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho vay lại (đối với dự án vay lại) và quyết định ký thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi với nhà tài trợ hoặc bên cho vay nước ngoài.”*

**17. Sửa đổi điểm c, d, e khoản 4 Điều 33 như sau:**

*“c) Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đối với các sửa đổi, bổ sung làm tăng nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của Chính phủ.”*

*“đ) Trường hợp sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi do thay đổi các nội dung của Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và làm tăng nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của Chính phủ: Bộ Tài chính thực hiện trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại điểm a, c, d khoản này.”*

*“e) Trường hợp sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi gắn liền với nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế khung tương ứng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và làm tăng nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của Chính phủ: Bộ Tài chính thực hiện trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại điểm c, d khoản này”*

**18. Bổ sung điểm g sau điểm e khoản 4 Điều 33 như sau:**

*“g) Trường hợp sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi không làm tăng nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của Chính phủ, Bộ Tài*

chính quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn mà không phải lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan khác có liên quan theo quy định tại điểm b khoản này và thực hiện các thủ tục với nhà tài trợ hoặc bên cho vay nước ngoài”

**19. Sửa đổi điểm d khoản 5 Điều 33 như sau:**

“d) Trên cơ sở quyết định của Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu cơ quan được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền ký thỏa thuận với nhà tài trợ. Trường hợp chương trình, dự án, phi dự án ODA không hoàn lại có cơ quan chủ quản là Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, người đứng đầu cơ quan đề xuất ký kết thực hiện ký thỏa thuận với nhà tài trợ.”

**20. Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 44 như sau:**

“b) Đối với trường hợp doanh nghiệp vay lại toàn bộ: Chủ dự án tự bố trí vốn đối ứng cho chương trình, dự án theo quy định trước khi ký hợp đồng vay lại.”

**21. Bổ sung Điều 52a trước Điều 52 như sau:**

“Điều 52a. Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài

**1. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt Đề xuất khoản vay**

a) Doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, Công ty con do doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ sở hữu 100% vốn điều lệ gửi văn bản cho Bộ Tài chính đề xuất sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi cho chương trình, dự án gồm các nội dung: Trị giá vay nước ngoài, điều kiện vay dự kiến; Bên cho vay dự kiến; mục đích sử dụng vốn, dự kiến thời gian giải ngân; Đề xuất cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại, phương án cân đối nguồn trả nợ.

b) Bộ Tài chính đánh giá điều kiện vay, chỉ tiêu an toàn nợ công, sự phù hợp với định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài từng thời kỳ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi cho chương trình, dự án với các nội dung chính như sau: tên chương trình, dự án; nhà tài trợ; dự kiến tổng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; cơ chế tài chính trong nước, phương thức cho vay lại.

d) Bộ Tài chính thông báo chính thức cho nhà tài trợ về quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất khoản vay cho chương trình, dự án và đề nghị tài trợ.

**2. Hồ sơ và thời gian xem xét Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi**

a) Hồ sơ: Văn bản của Doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, Công ty con do doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ sở hữu 100% vốn

*điều lệ đề nghị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi; Thư quan tâm của nhà tài trợ; các tài liệu liên quan khác (nếu có).*

*b) Thời gian xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ về Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi kể từ ngày Bộ Tài chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 10 ngày.*

*c) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 05 ngày Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản đề nghị cơ quan đăng ký Đề xuất khoản vay hoàn thiện nội dung Đề xuất khoản vay".*

### **3. Điều chỉnh Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi cho chương trình, dự án**

*Trường hợp tăng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi: Cơ quan đăng ký Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi gửi văn bản và báo cáo về lý do điều chỉnh để Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi thực hiện các thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh phê duyệt đầu tư theo quy định, trừ trường hợp tăng vốn do chênh lệch tỷ giá."*

### **22. Bổ sung khoản 3 Điều 52 như sau:**

*"3. Trước khi trình cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, doanh nghiệp nhà nước lấy ý kiến của Bộ Tài chính đối với hồ sơ chủ trương đầu tư."*

### **23. Bổ sung một Điều sau Điều 56 như sau:**

#### **"56a. Dừng sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi**

*1. Đối với chương trình, dự án đã được phê duyệt Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi nhưng chưa phê duyệt chủ trương đầu tư, cơ quan đề xuất khoản vay gửi văn bản cho Bộ Tài chính để thông báo cho nhà tài trợ về việc dừng chủ trương sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho chương trình, dự án.*

*2. Đối với chương trình, dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi, cơ quan đề xuất khoản vay báo cáo cấp quyết định đầu tư quyết định dừng sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi, gửi văn bản cho Bộ Tài chính để thông báo cho nhà tài trợ về việc dừng chủ trương sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho chương trình, dự án, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư và Thủ tướng Chính phủ về quyết định dừng sử dụng vốn cho dự án. Hồ sơ, nội dung, thời gian quyết định dừng sử dụng vốn thực hiện theo khoản 2 Điều 22 Nghị định này.*

*3. Đối với chương trình, dự án đã đang trong giai đoạn thực hiện, cơ quan đề xuất khoản vay báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định dừng sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi. Trên cơ sở phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đề xuất khoản vay gửi văn bản cho Bộ Tài chính để thông báo cho nhà tài trợ về việc dừng*

*sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho chương trình, dự án. Hồ sơ, nội dung, thời gian quyết định dừng thực hiện theo khoản 3 Điều 22 Nghị định này”.*

**24. Sửa đổi khoản 2 Điều 59 như sau:**

*“2. Tài khoản vốn đối ứng: Chủ dự án mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện giao dịch (sau đây gọi là Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch) để thực hiện việc kiểm soát, thanh toán đối với nguồn vốn đối ứng (nguồn vốn trong nước) của dự án trừ trường hợp doanh nghiệp vay lại toàn bộ.”*

**25. Sửa đổi khoản 1 Điều 61**

*“1. Là một ngân hàng được lựa chọn trong các ngân hàng thực hiện giao dịch cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi căn cứ trên cơ sở xếp hạng của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế, đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ ngân hàng, các quy định về giới hạn tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.”*

**26. Sửa đổi khoản 3 Điều 68 như sau:**

*“3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xác nhận thanh toán, giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn chi thường xuyên của chủ dự án thực hiện theo quy định pháp luật về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.*

*Trình tự, thủ tục, hồ sơ xác nhận thanh toán, giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.”*

**27. Sửa đổi tên Điều 70 như sau:**

*“Điều 70. Hình thức xác nhận thanh toán”*

**28. Sửa đổi khoản 1, 2, 3 Điều 70 như sau:**

*“1. Xác nhận thanh toán trước được thực hiện trước khi chủ dự án rút vốn thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng và áp dụng đối với các khoản chi không thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 Điều này.*

*2. Xác nhận thanh toán sau được thực hiện sau khi chủ dự án rút vốn thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng. Xác nhận thanh toán sau áp dụng với các trường hợp sau:*

*3. Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày rút vốn thanh toán, chủ dự án hoàn tất hồ sơ thanh toán gửi cơ quan xác nhận thanh toán xác nhận để làm cơ sở thực hiện lần thanh toán kế tiếp. Trường hợp thấy cần thiết, chủ dự án có quyền thỏa thuận với nhà thầu áp dụng hình thức xác nhận thanh toán trước đối với các khoản chi nêu tại khoản 2 Điều này và gửi cơ quan xác nhận thanh toán để phối hợp thực hiện.”*

## **29. Sửa đổi khoản 2 Điều 72 như sau:**

*“2. Trường hợp chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi kết thúc thực hiện đợt giải ngân cuối cùng vào năm kết thúc dự án, chủ dự án gửi Bộ Tài chính đơn rút vốn trước ngày 31 tháng 12 (năm kế hoạch) để đảm bảo thời gian giải ngân trước ngày 31 tháng 01 năm sau. Trường hợp bất khả kháng không giải ngân trước ngày 31 tháng 01 năm sau (bao gồm trường hợp đã xác nhận thanh toán và gửi đơn rút vốn trước ngày 31 tháng 01 năm sau nhưng nhà tài trợ chưa thông báo rút vốn), thực hiện theo quy định về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm tại khoản 1, khoản 2 Điều 72 của Luật Đầu tư công đối với kế hoạch vốn cấp phát của ngân sách trung ương, không phụ thuộc tỷ lệ vay lại.”*

## **30. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 73 như sau:**

*“c) Nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi giải ngân được chuyển về tài khoản của đơn vị thực hiện chương trình, dự án mở tại Kho bạc Nhà nước. Việc chi tiêu tuân thủ quy trình quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành. Hết niên độ ngân sách, số dư dự toán nguồn vốn ngoài nước được xử lý theo các quy định quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành; số dư tiền mặt trên tài khoản tạm ứng được tiếp tục sử dụng cho các hoạt động của chương trình, dự án trong niên độ tiếp theo theo quy định;”*

## **31. Sửa đổi điểm d, đ khoản 3 Điều 73 như sau:**

*“d) Hồ sơ rút vốn gửi Bộ Tài chính: Đối với mỗi đợt rút vốn, chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền lập và gửi Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ rút vốn theo từng hình thức rút vốn. Hồ sơ rút vốn quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này. Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, hợp lệ về hồ sơ rút vốn bao gồm: mỗi xác nhận thanh toán vốn chỉ được sử dụng cho một lần giải ngân, thông tin hợp đồng đã ký giữa chủ dự án và nhà thầu, số vốn tạm ứng và thu hồi tạm ứng, giá trị khối lượng công việc hoàn thành, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, các thông tin chỉ dẫn thanh toán cho các nhà thầu và hồ sơ phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính của nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi,”*

*“đ) Thủ tục rút vốn trên môi trường điện tử được thực hiện trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài chính hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến quốc gia và được áp dụng đối với mọi hồ sơ rút vốn, trừ trường hợp đặc biệt được Bộ Tài chính quy định tại quyết định công bố thủ tục hành chính về rút vốn vay nước ngoài. Trường hợp hồ sơ rút vốn và thông tin trên các hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ theo quy định tại Nghị định này, Bộ Tài chính trả hồ sơ rút vốn trên hệ thống rút vốn điện tử để chủ đầu tư hoàn thiện, bổ sung hồ sơ theo quy định tại Nghị định*

này. Thời gian trả hồ sơ rút vốn trong vòng 04 ngày làm việc, riêng đối với báo cáo chi tiêu trong vòng 07 ngày làm việc.”

### **32. Sửa đổi khoản 2, 4, 5, 6, 7 Điều 85 như sau:**

“2. Bộ Tài chính tổng hợp kế hoạch vốn ODA không hoàn lại kèm khoản vay về chi thường xuyên cấp phát cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vào dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.”

“4. Xác nhận thanh toán cho dự án hoặc các hoạt động thuộc dự toán chi thường xuyên thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.”

“5. Dự án có tính chất chi thường xuyên áp dụng chế độ kế toán chi thường xuyên. Dự án hỗn hợp chi đầu tư và chi thường xuyên, chủ dự án báo cáo cơ quan chủ quản quyết định áp dụng chế độ kế toán phù hợp.”

“6. Trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc giải ngân, đối với các dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại kèm khoản vay được bố trí vốn chi thường xuyên, Chủ dự án lập báo cáo quyết toán kết thúc dự án, trên cơ sở tổng hợp toàn bộ kết quả số liệu quyết toán các năm trong thời gian thực hiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo xét duyệt quyết toán gửi cơ quan chủ quản. Cơ quan chủ quản tổng hợp gửi Bộ Tài chính.”

“7. Chủ dự án (đơn vị sử dụng ngân sách) lập và gửi báo cáo quyết toán năm, báo cáo tài chính năm cho cơ quan chủ quản (đơn vị kế toán cấp trên trực tiếp), hoặc gửi cơ quan tài chính (trường hợp không có đơn vị kế toán cấp trên) theo pháp luật về hướng dẫn chế độ kế toán chi thường xuyên. Việc xét duyệt, thẩm định, thông báo quyết toán năm thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.”

### **33. Sửa đổi khoản 1, 3, 5 Điều 86 như sau:**

“1. Vốn ODA không hoàn lại chi thường xuyên do phía Việt Nam thực hiện, được dự toán, hạch toán, ghi thu ghi chi, quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định tại Nghị định này. Đối với vốn ODA không hoàn lại chi đầu tư do phía Việt Nam thực hiện được xây dựng kế hoạch, xác nhận thanh toán, ghi thu ghi chi, hạch toán và quyết toán theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định tại Nghị định này. Trường hợp phát sinh mới chưa tổng hợp trong dự toán, kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phân bổ và giao kế hoạch, chủ dự án lập dự toán, kế hoạch vốn bổ sung theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan.”

“3. Vốn ODA không hoàn lại do phía Việt Nam thực hiện thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi được tổng hợp vào dự toán cho

*lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy trình, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và Điều 63 Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.”*

*“5. Đối với vốn ODA không hoàn lại cấp phát cho doanh nghiệp nhà nước để thực hiện hỗ trợ kỹ thuật, tăng cường năng lực, tùy theo tính chất của chương trình, dự án, phi dự án, vốn ODA không hoàn lại được hạch toán thu ngân sách nhà nước và hạch toán chi ngân sách nhà nước để tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.”*

#### **34. Sửa khoản 1 Điều 87 như sau:**

*“1. Tài khoản vốn đối ứng: Chủ dự án mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện việc thanh toán đối với nguồn vốn đối ứng của chương trình, dự án”.*

#### **35. Sửa đổi khoản 1 Điều 88 như sau:**

*“1. Căn cứ vào Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án hoặc Quyết định đầu tư chương trình, dự án; điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại (nếu có), thư quan tâm hoặc văn bản cam kết của nhà tài trợ nước ngoài, chủ dự án lập kế hoạch thu chi vốn ODA không hoàn lại hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan gửi cơ quan chủ quản tổng hợp.”*

#### **36. Sửa đổi tên Điều 89 như sau:**

*“Điều 89. Xác nhận, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn ODA không hoàn lại bằng tiền”*

#### **37. Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 89 như sau:**

*“1. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại bố trí từ kế hoạch đầu tư công: Trình tự, thủ tục, hồ sơ xác nhận giải ngân, giấy đề nghị thanh toán vốn của chủ dự án thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Trình tự và hình thức rút vốn ODA không hoàn lại thực hiện theo quy định tại Điều 71, 73 của Nghị định này.”*

*“2. Đối với chương trình, dự án ODA không hoàn lại hỗ trợ kỹ thuật thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước*

*a) Trường hợp chủ dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại tại Kho bạc Nhà nước: Kho bạc Nhà nước thực hiện việc hướng dẫn, thanh toán chi trả theo quy định hiện hành đối với vốn ngân sách nhà nước.*

*b) Trường hợp chủ dự án mở tài khoản tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại tại ngân hàng thương mại: Kho bạc Nhà nước chỉ thực hiện hạch toán ghi thu ghi chi theo quy định pháp luật về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.”*

**38. Sửa đổi khoản 4 Điều 89 như sau:**

*“3. Giải ngân vốn ODA không hoàn lại bằng tiền cho chương trình dự án: Căn cứ kết quả xác nhận thanh toán (đối với vốn ODA không hoàn lại bố trí từ kế hoạch đầu tư công), trên cơ sở yêu cầu của chủ dự án, Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản dự án thực hiện giải ngân cho dự án theo quy định; hằng tháng, thông báo số giải ngân vốn ODA không hoàn lại của từng chủ tài khoản theo từng chương trình, dự án.”*

**39. Sửa đổi điểm a khoản 5 Điều 89 như sau:**

*“Điều 89. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn ODA không hoàn lại bằng tiền*

....

*4. Hạch toán ghi thu ghi chi cho dự án:*

*a) Hàng tháng hoặc theo từng lần phát sinh khoản chi từ tài khoản vốn ODA không hoàn lại, hồ sơ ghi thu ghi chi theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán ghi thu ghi chi theo quy định”*

**40. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 90 như sau:**

*“a) Điều ước quốc tế cụ thể hoặc thỏa thuận cụ thể về vốn ODA không hoàn lại hoặc văn bản trao đổi về việc cam kết và tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại: 01 bản chụp có đóng dấu xác nhận; cơ quan chủ quản hoặc chủ dự án”*

**41. Sửa đổi khoản 2 Điều 90 như sau:**

*“2. Hồ sơ hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn vốn ODA không hoàn lại gửi đến cơ quan thuế gồm:”*

**42. Sửa đổi điểm c, d khoản 2 Điều 90 như sau:**

*“c) Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật liên quan tới hoàn thuế; trường hợp hồ sơ hoàn thuế theo quy định về pháp luật quản lý thuế khác với quy định tại khoản này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế”*

*“d). Bản sao Lệnh ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước đối với chương trình, dự án, phi dự án hỗ trợ kỹ thuật hoặc*

*giấy đề nghị thanh toán vốn (trường hợp tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại bằng tiền được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công) ”.*

**43. Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 90 như sau:**

*“d) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu: Hợp đồng, vận đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương, hóa đơn thương mại hoặc tờ khai hàng hóa nhập khẩu đối với trường hợp không có hóa đơn thương mại: 01 bản chụp có đóng dấu xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc chủ dự án. Trường hợp hàng hóa mua trong nước: Hợp đồng mua bán, hóa đơn thuế giá trị gia tăng, biên bản bàn giao hàng hóa: 01 bản chụp có 01 bản chụp có đóng dấu xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc chủ dự án;”*

**44. Sửa đổi khoản 3, 12 Điều 91 như sau:**

*“3. Chủ trì xác định nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi; tổng hợp và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi cho chương trình, dự án.”*

*“12. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ đề trình Chủ tịch nước về việc đàm phán, ký kết, phê chuẩn điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về vay ODA, vay ưu đãi theo quy định tại Điều ....Nghị định này; trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế khung và điều ước quốc tế cụ thể về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại tài trợ cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại Điều .... của Nghị định này; trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký thỏa thuận khung, thỏa thuận cụ thể về vốn vay ODA, vay ưu đãi; chủ trì ký điều ước quốc tế khung, điều ước quốc tế cụ thể; thỏa thuận khung và thỏa thuận cụ thể về vốn vay ODA, vay ưu đãi theo Điều ....Nghị định này, chủ trì ký thỏa thuận về ODA không hoàn lại cho chương trình, dự án quy định tại Điều... của Nghị định này.”*

**45. Bổ sung khoản 12a sau khoản 12 Điều 91 như sau:**

*“12a. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận về vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nhân danh Chính phủ đối với các sửa đổi, bổ sung, gia hạn không làm tăng nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của Chính phủ.”*

**46. Bổ sung khoản 16a trước khoản 16 Điều 91 như sau:**

*“ 16a. Chủ trì rút vốn vay ODA, vay ưu đãi để giải ngân cho chương trình, dự án.”*

**47. Sửa đổi khoản 2 Điều 95 như sau:**

*“2. Xây dựng Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Văn kiện dự án, phi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo thẩm quyền.”*

#### 48. Sửa đổi khoản 2 Điều 96 như sau:

*“2. Xây dựng Đề xuất khoản vay ODA, vay ưu đãi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Văn kiện dự án, phi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo thẩm quyền”*

#### 49. Bổ sung Phụ lục II như sau:

##### **Phụ lục II**

##### **MẪU ĐỀ XUẤT KHOẢN VAY VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

(Kèm theo Nghị định số     /2025/NĐ-CP ngày tháng     năm 2025 của Chính phủ)

##### **I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU**

1. Tên dự án (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ khoản vay (dự kiến): Tên, địa chỉ, thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có).

##### **II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT**

- Tầm quan trọng, sự cần thiết của khoản vay.
- Các khoản vay đang triển khai cùng lĩnh vực (nếu có).
- Nhà tài trợ nước ngoài dự kiến (nêu rõ lý do sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ này).

**III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT** *Trị giá vay nước ngoài, điều kiện vay dự kiến; Bên cho vay dự kiến; mục đích sử dụng vốn, dự kiến thời gian giải ngân; Đề xuất cơ chế tài chính trong nước, dự kiến nguồn trả nợ*

1. Tên Bên cho vay
2. Mục đích sử dụng vốn vay
  - Dự kiến tiến độ giải ngân hàng năm (gắn với thời gian thực hiện chương trình, dự án).
3. Dự kiến tổng mức vốn vay: Vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, vốn đối ứng chi tiết theo loại tiền nguyên tệ và quy giá trị tương đương theo đồng Việt Nam và USD (sử dụng tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm đề xuất).
  - Điều kiện và điều khoản vay: Nêu rõ loại lãi suất dự kiến (thả nổi/cố định), mức lãi suất dự kiến và các loại phí (nếu có); đối với các chương trình dự án dự

kiến sử dụng nguồn vay lãi suất thả nổi, mức lãi suất thả nổi trong nội dung đề xuất bao gồm lãi suất thả nổi cơ sở (Libor, Sibor, Eurobor...) và lãi suất biên tham chiếu trên thị trường tại thời điểm đề xuất khoản vay; dự kiến thời gian vay và thời gian ân hạn của khoản vay.

4. Đề xuất cơ chế tài chính trong nước: Cấp phát hoặc cho vay lại (tỷ lệ vay lại; phương thức cho vay lại và cơ quan được ủy quyền cho vay lại trong trường hợp của ĐVSNCL/DN; dự kiến nguồn trả nợ)

Nêu rõ phương án sử dụng vốn vay, phương án sử dụng vốn đối ứng (bao gồm phương án bố trí vốn chủ sở hữu), phương án bảo đảm tiền vay, phương án trả nợ và đề xuất cơ quan được ủy quyền cho vay lại (phương thức cho vay lại, chịu rủi ro tín dụng, chịu một phần rủi ro tín dụng hoặc không chịu rủi ro tín dụng) trong trường hợp Đề xuất dự án là cho vay lại doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Phương án cân đối nguồn trả nợ

#### **50. Sửa đổi điểm c khoản 1 mục I Phụ lục V như sau:**

*“c) Bảng tổng hợp thông tin Hợp đồng ký giữa chủ dự án với nhà thầu theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (chủ dự án lập theo hợp đồng đã có hiệu lực và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại bảng);”*

#### **51. Sửa đổi điểm b khoản 1 mục II Phụ lục V như sau:**

*“b) Hoá đơn hoặc đề nghị thanh toán của nhà thầu, nhà cung cấp (bản sao y bản chính), bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (bản chụp)”*

#### **52. Sửa đổi khoản 2 mục II Phụ lục V như sau:**

*“2. Ngoài các tài liệu nêu trên, đối với khoản chi tạm ứng hợp đồng yêu cầu phải có bảo lãnh tạm ứng ký với nhà thầu, nhà cung cấp, và tư vấn, chủ dự án gửi Bộ Tài chính bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng thương mại (bản sao y bản chính). Giá trị bảo lãnh tạm ứng tối thiểu tương đương giá trị tạm ứng, thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng phải được kéo dài cho đến khi chủ dự án thu hồi hết số vốn đã tạm ứng và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng và trong văn bản bảo lãnh tạm ứng. Trường hợp bảo lãnh tạm ứng hết thời hạn, chủ dự án có trách nhiệm yêu cầu, đôn đốc nhà thầu làm thủ tục gia hạn bảo lãnh tạm ứng và gửi lại Bộ Tài chính. Chủ dự án chịu trách nhiệm theo dõi về thời gian hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng.”*

#### **53. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 2 khoản 1 mục III Phụ lục V như sau:**

*“-Bảng tổng hợp thông tin Hợp đồng ký giữa chủ dự án với nhà thầu theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử*

*dụng vốn đầu tư công (chủ đầu tư lập theo hợp đồng đã có hiệu lực và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại bảng), hợp đồng cần có điều khoản quy định một trong các điều kiện hoặc chứng từ thanh toán từng lần theo L/C là phải có xác nhận của cơ quan xác nhận thanh toán vốn (theo qui định về thanh toán vốn đầu tư tại thời điểm thanh toán) về tính hợp lệ của mọi khoản thanh toán L/C;. Mỗi lần thanh toán L/C, chủ dự án cung cấp Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của Cơ quan xác nhận thanh toán vốn của lần thanh toán đợt này hoặc trước đó tùy vào hình thức xác nhận thanh toán trước hoặc xác nhận thanh toán sau”*

#### **54. Sửa đổi tiết (iii) điểm b khoản 4 mục V Phụ lục V như sau:**

*“(iii) Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận của cơ quan xác nhận thanh toán (bản chính hoặc bản đóng dấu treo của chủ dự án nếu xác nhận thanh toán điện tử); bảng hạch toán ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Đối với khoản chi tạm ứng hợp đồng cần phải có bảo lãnh tạm ứng ký với nhà thầu, nhà cung cấp, chủ dự án gửi Bộ Tài chính bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng thương mại, bảo lãnh bảo hành (bản chụp); giá trị bảo lãnh tạm ứng tương đương giá trị tạm ứng, thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng phải được kéo dài cho đến khi chủ dự án thu hồi hết số vốn đã tạm ứng và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng và trong văn bản bảo lãnh tạm ứng. Trường hợp bảo lãnh tạm ứng hết thời hạn, chủ dự án có trách nhiệm yêu cầu, đôn đốc nhà thầu làm thủ tục gia hạn bảo lãnh tạm ứng và gửi lại Bộ Tài chính. Chủ dự án chịu trách nhiệm theo dõi về thời gian hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng.”*

**Điều 2. Bãi bỏ một số điểm, khoản, Điều của Nghị định 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài và Nghị định 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 8/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.**

1. Bỏ điểm b khoản 1 Điều 33
2. Bỏ điểm b khoản 3 Điều 33
3. Bỏ điểm d khoản 2 Điều 51
4. Bỏ khoản 1 Điều 85
5. Bỏ điểm c, d, đ khoản 2 Điều 89
6. Bỏ khoản 3 Điều 89
7. Bỏ khoản 6 Điều 89

8. Bỏ khoản 7 Điều 1 của Nghị định 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ.

**Điều 3. Thay thế từ ngữ tại một số điểm, khoản, Điều của Nghị định 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài**

Thay thế cụm từ “kiểm soát chi” thành “xác nhận thanh toán” tại các Điều 68, 69, 70, 72, 73, 74, 76, 78, 79, 81, 85, 86, 89 và Phụ lục V.

**Điều 4. Quy định chuyển tiếp**

**1. Bổ sung một Điều trước Điều 97 như sau:**

*“Đối với hồ sơ rút vốn đã thực hiện kiểm soát chi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP của Chính phủ.”*

**3. Bổ sung khoản 1a trước khoản 2 Điều 97 như sau:**

*“1a. Chương trình, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án, chủ trương huy động, sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi thì không phải thực hiện thủ tục đề xuất khoản vay theo quy định tại Nghị định này.”*

**4. Bổ sung khoản 15a trước khoản 15 Điều 97 như sau:**

*“15a. Đối với điều ước quốc tế, thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi đã được cơ quan đề xuất gửi hồ sơ trình cấp có thẩm quyền tại một trong các thủ tục: đàm phán, ký, phê duyệt, phê chuẩn, sửa đổi, bổ sung, gia hạn trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 đối với điều ước quốc tế, theo quy định của Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 đối với thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi. Việc thực hiện các thủ tục tiếp theo được thực hiện theo quy định của Nghị định này.”*

**5. Sửa đổi khoản 16 Điều 97 như sau:**

*“16. Đối với chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực, chế độ quản lý tài chính thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền cho đến thời điểm kết thúc chương trình, dự án, phi dự án được nêu trong quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.”*

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

**1.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**2.** Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

**Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.

2. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

**Nơi nhận:**

- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ... A.XX(\*)

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**KT. THỦ TƯỚNG**  
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Họ và tên**